

Số: 175/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 15 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**  
**KHÓA IV, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Xét Báo cáo số 797/BC-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, Báo cáo số 860/BC-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2021 cập nhật, điều chỉnh số liệu một số chỉ tiêu kinh tế năm 2021 và xây dựng Kế hoạch năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Mục tiêu tổng quát**

Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, bảo vệ tối đa sức khỏe, tính mạng Nhân dân; đồng thời, triển khai đồng bộ, kịp thời các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; tháo gỡ khó khăn, khơi thông các nguồn lực cho phát triển. Chú trọng phát triển văn hóa, giáo dục, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống Nhân dân. Quản lý chặt chẽ đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, phòng chống tham nhũng, lãng phí. Cùng cố quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đạt mức cao nhất các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 tạo tiền đề thực hiện thành công Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông.

**Điều 2. Các chỉ tiêu chủ yếu**

1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP giá so sánh 2010) đạt trên 7,5%; trong đó: Khu vực Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4,58%; Khu vực Công nghiệp và xây dựng tăng 12,39%; Khu vực Dịch vụ tăng 7,97%; Thuế

sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6,83%. GRDP bình quân đầu người đạt 52,9 triệu đồng.

2. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: 19.220 tỷ đồng.

3. Thu ngân sách nhà nước trên 3.000 tỷ đồng.

4. Kết cấu hạ tầng: Tỷ lệ nhựa hóa chung đạt 68%; tỷ lệ đô thị hóa 28%; Tỷ lệ hộ được sử dụng điện 99,2%; Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới đạt 82%.

5. Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm 18.000 lượt người; đào tạo nghề cho 4.000 người; 11,2% người lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội.

6. Giảm nghèo (theo chuẩn giai đoạn 2021 - 2025): Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 3% trở lên, riêng tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên.

7. Y tế: Đạt 19,8 giường bệnh/vạn dân; đạt 8,3 bác sỹ/vạn dân; tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 92%.

8. Giáo dục: Tăng thêm 10 trường đạt chuẩn quốc gia.

9. Văn hóa: Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị đạt 53%.

10. Môi trường: Trồng mới rừng tập trung trong năm 1.659,5 ha; tỷ lệ che phủ rừng đạt 38,5%.

11. Nông thôn mới: Tăng thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới; số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt 16,5 tiêu chí trở lên; Tăng thêm 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

*(Chi tiết như phụ lục kèm theo)*

### **Điều 3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu**

Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành với các nhiệm vụ, giải pháp do Ủy ban nhân dân tỉnh trình tại kỳ họp. Theo đó đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu sau đây:

#### **1. Tập trung thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch COVID-19, vừa phát triển kinh tế - xã hội**

- Triển khai hiệu quả kế hoạch thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của địa phương. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ tiêm vắc-xin phòng Covid-19 cho người dân; nâng cao năng lực hệ thống y tế nhất là năng lực điều trị, năng lực y tế tại cơ sở.



- Bám sát các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương để áp dụng linh hoạt các chính sách, định hướng của Trung ương, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Thực hiện nghiêm túc quyết liệt có hiệu quả các Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy và Chương trình, Kế hoạch, Chỉ thị của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Tổ chức tổng kết đánh giá các Nghị quyết về chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư vào tỉnh trong thời gian qua, trên cơ sở đó rà soát, nghiên cứu trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư mới, trong đó cần tập trung vào những lĩnh vực quan trọng của địa phương, bảo đảm tính khả thi và đúng quy định pháp luật.

- Đẩy nhanh tiến độ sớm hoàn thành Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 đảm bảo chất lượng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Rà soát các dự án Khu đô thị, khu dân cư để có hướng xử lý đúng quy định của pháp luật.

- Kiên quyết xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm về xe quá tải trọng; cơ bản khắc phục được tình trạng xe quá tải lưu thông trên đường Quốc lộ, tỉnh lộ, đường giao thông nông thôn; tăng cường công tác quản lý và giải quyết vi phạm hành lang giao thông trên từng tuyến đường, đảm bảo hoàn thành việc cấm mốc lộ giới trong năm 2022. Rà soát điều chỉnh kịp thời những bất cập trong công tác bố trí hệ thống biển báo, biển hướng dẫn giao thông trên địa bàn tỉnh để đảm bảo an toàn và thuận tiện cho người tham gia giao thông.

- Tập trung phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh Bình Phước để thúc đẩy, triển khai thực hiện dự án đường cao tốc Đắc Nông - Bình Phước. Đẩy mạnh thực hiện đầu tư công, phân đấu giải ngân 100% kế hoạch vốn năm 2022, sớm đưa các công trình đã đầu tư vào sử dụng hiệu quả; đẩy nhanh tiến độ dự án Quảng trường Trung tâm thành phố Gia Nghĩa để chào mừng 20 năm thành lập tỉnh; sớm hoàn thiện công tác chuẩn bị và khởi công các công trình trọng điểm của tỉnh như: Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh, Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê (giai đoạn 2), nâng cấp, cải tạo Tỉnh lộ 2, 3, 5.

- Tăng cường công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước: Tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về điều hành ngân sách nhà nước, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ thu, chi năm 2022. Tăng cường công tác quản lý thu, khai thác nguồn thu, nhất là các nguồn thu từ đất để bố trí đầu tư hoàn thiện các dự án đang thiếu nguồn vốn. Thực hiện nghiêm công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

## **2. Nhiệm vụ của các ngành, lĩnh vực chủ yếu**

a) Về phát triển công nghiệp, năng lượng



- Tiếp tục làm việc với cơ quan Trung ương, các ngành, địa phương, các nhà đầu tư để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đề ra giải pháp căn cơ nhằm phát huy hiệu quả các dự án lớn trên địa bàn tỉnh như Khu Công nghiệp Alumil Nhân Cơ, Nhà máy nhôm Trần Hồng Quân, các dự án năng lượng tái tạo...

#### b) Về phát triển nông, lâm nghiệp và nông thôn

- Tiếp tục thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh nông sản gắn với chuỗi giá trị và xây dựng nông thôn mới; hướng đến nền nông nghiệp xanh, sạch, thông minh, trách nhiệm, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế.

- Rà soát lựa chọn một số cây trồng chủ lực của tỉnh để có kế hoạch cụ thể hỗ trợ xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp, nâng cao giá trị sản phẩm, sức cạnh tranh trên thị trường, phát triển công nghiệp chế biến gắn với vùng sản xuất nguyên liệu.

- Tiếp tục rà soát lại các dự án nông lâm nghiệp, diện tích đất của các công ty lâm nghiệp bàn giao về địa phương quản lý để có kế hoạch khôi phục và phát triển rừng bền vững, kiên quyết bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có, phát huy hiệu quả diện tích rừng sản xuất. Đối với diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm cần có kế hoạch, giải pháp phù hợp nhằm tạo sự đồng thuận của người để dân phát triển kinh tế từ rừng.

#### d) Về quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022 và giai đoạn 5 năm 2021-2025; sớm hoàn thành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh. Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân đối với những diện tích đủ điều kiện cấp theo quy định.

- Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, quản lý đô thị, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phải đảm bảo đúng quy hoạch, công khai minh bạch; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Có giải pháp quản lý thị trường bất động sản để tạo điều kiện thu hút đầu tư và tránh thiệt hại cho người dân.

#### đ) Về phát triển văn hóa, xã hội

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, lễ hội phù hợp với tình hình điều kiện thực tế của từng địa phương, bảo đảm an toàn trong công tác phòng chống dịch bệnh CoVid 19, nhất là dịp tết nguyên đán và các ngày lễ lớn trong năm.

- Tăng cường công tác quản lý các danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử nhất là khu vực Tà Đùng, Công viên địa chất toàn cầu, hình thành các chỉ dẫn du



lịch, sản phẩm du lịch từng bước đưa du lịch trở thành một trong ba trụ cột kinh tế của tỉnh.

- Có giải pháp phù hợp nâng cao chất lượng giáo dục trong điều kiện tác động tiêu cực của dịch bệnh CoVid-19. Khẩn trương trình HĐND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách giải quyết tình trạng thiếu giáo viên tại các huyện, thành phố hạn chế tình trạng dạy kê, dạy gác như thời gian qua.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025, phân bổ nguồn lực trọng tâm trọng điểm nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; có kế hoạch hỗ trợ các huyện: Tuy Đức, Đắk Glong để đảm bảo đạt chỉ tiêu giảm nghèo từ 3% trở lên, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 5% trở lên. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế, an sinh xã hội, các chính sách đối với người có công, gia đình chính sách; kịp thời hỗ trợ các gia đình khó khăn do dịch bệnh.

e) Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả lý nhà nước

- Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, thực hiện tốt văn hóa công vụ, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các sai phạm của cán bộ, công chức, viên chức. Thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, phát triển nền kinh tế số, xã hội số.

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, chủ động triển khai thực hiện đến kết quả cuối cùng các nhiệm vụ Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao; thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, có chế tài xử lý đối với cơ quan đơn vị, cá nhân không thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ quyền hạn được giao.

g) Về Công tác quốc phòng, an ninh, nội chính và đối ngoại

- Giữ vững quốc phòng - an ninh; kiểm soát chặt chẽ tuyến biên giới. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ và phòng thủ dân sự cấp tỉnh, diễn tập khu vực phòng thủ huyện Đắk Mil và diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã theo kế hoạch. Thực hiện hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm có tổ chức, tội phạm ma túy, tội phạm sử dụng công nghệ cao... Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

- Tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri; tập trung giải quyết các vụ tranh chấp, khiếu kiện còn tồn đọng kéo dài; các vụ việc phức tạp về an ninh nông thôn, nhất là tại các địa bàn huyện Tuy Đức, Krông Nô, Đắk Song.

- Thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra tham nhũng; có giải pháp nâng cao tỷ lệ thi hành án kinh tế- tham nhũng so với năm 2021.

- Thực hiện tốt đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước, tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài để phát triển kinh tế. Đẩy mạnh mở rộng quan hệ kinh tế với tỉnh Mondulkiri, Vương quốc Campuchia.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả cho Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Nông khóa IV, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- UB Kinh tế của Quốc hội;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Thường trực: Tỉnh ủy; HĐND tỉnh;  
UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh; các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đăk Nông, Đài PT-TH, Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, CTHĐ, HSKH. 

**CHỦ TỊCH**



**Luu Văn Trung**



**PHỤ LỤC**  
**XÂY DỰNG CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 175/NQ-HĐND  
ngày 15/12/2021 của HĐND tỉnh Đắk Nông)

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	KH năm 2022	GHI CHÚ
<b>A</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ</b>			
<b>1</b>	<b>Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (Giá SS2010)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>22.281</b>	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản.	Tỷ đồng	8.280,81	
	- Công nghiệp và xây dựng	Tỷ đồng	4.603,1	
	- Dịch vụ	Tỷ đồng	8.397,8	
	- Thuế trừ trợ cấp SP	Tỷ đồng	999,5	
	<b>Tốc độ tăng trưởng</b>	<b>%</b>	<b>Trên 7,50</b>	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	4,58	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	12,39	
	- Dịch vụ	%	7,97	
	- Thuế trừ trợ cấp SP	%	106,83	
	<b>2</b>	<b>GRDP (giá hiện hành)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>35.789</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Nông, lâm nghiệp, thủy sản		Tỷ đồng	13.317,3	
- Công nghiệp và xây dựng		Tỷ đồng	6.771,5	
- Dịch vụ		Tỷ đồng	14.022,1	
- Thuế trừ trợ cấp SP		Tỷ đồng	1.678,0	
<b>GRDP bình quân đầu người</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>52,90</b>		
<b>3</b>	<b>Cơ cấu Tổng giá trị gia tăng theo ngành kinh tế (giá hiện hành)</b>		<b>100</b>	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	37,21	
	- Công nghiệp và xây dựng	%	18,92	
	- Dịch vụ	%	39,18	
- Thuế trừ trợ cấp SP	%	4,69		
<b>4</b>	<b>Tổng vốn đầu tư toàn xã hội:</b>			

	Tổng số vốn	Tỷ đồng	19.220	
5	<b>Thu - Chi ngân sách:</b>			
	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	Trên 3.000	
	Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	7.634,816	
6	<b>Kết cấu -Hạ tầng</b>			
	<b>Giao thông:</b>			
	Tỷ lệ nhựa hóa chung	%	68	
	<b>Đô thị, nhà ở</b>			
	Tỷ lệ đô thị hóa	%	28	
	Tỉ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	100	
	Bình quân m <sup>2</sup> sàn xây dựng nhà ở tính trên một người dân	m <sup>2</sup>	25	
	Tỉ lệ thu gom rác thải đô thị	%	100	
	Xây dựng nhà tình nghĩa, nhà người có công từ quỹ đền ơn đáp nghĩa	Nhà	13	
	<b>Cấp điện:</b>			
	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện	%	99,2	
	Tỷ lệ bon, buôn có điện	%	100	
	<b>Nông nghiệp, thủy lợi:</b>			
	Tỷ lệ đáp ứng cho diện tích có nhu cầu tưới	%	82	
	Tỉ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	92	
7	<b>Thương mại, dịch vụ, XNK (theo dõi):</b>			
	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn	Tỷ đồng	17.200	
	Doanh thu tăng bình quân hằng năm	%	Tăng 2%	Dự báo tình hình dịch bệnh sẽ còn kéo dài và tác động tiêu cực đến ngành du lịch
	Số khách du lịch tăng bình quân hàng năm	%	Tăng 2%	
	Kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	1.170	



	Kim ngạch nhập khẩu trên địa bàn	Triệu USD	330	
8	<b>Nông nghiệp (theo dõi):</b>			
	Giá trị sản xuất bình quân trên/01 ha đất nông nghiệp	Triệu đồng	90	
	Diện tích nông nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến (CNC)	Ha	2.280 (Lũy kế là 24.00 ha)	
9	<b>Công nghiệp (theo dõi):</b>			
	Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP	%	8	
10	<b>Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, TTTC (theo dõi):</b>			
	Chỉ số PCI	Xếp hạng	Tăng 1-2 bậc	
	Chỉ số PAPI	Xếp hạng	43/63	
	Chỉ số PAR Index	Xếp hạng	48/63	
<b>B</b>	<b>CHỈ TIÊU VỀ VĂN HOÁ, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG</b>			
11	<b>Lao động và việc làm:</b>			
	Số lao động được tạo việc làm	Người	18.000	
	Đào tạo nghề	Người	4.000	
	Tỉ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia BHXH	%	11,2	
	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	50	
12	<b>Giảm nghèo:</b>			
	Tỷ lệ hộ nghèo	%	Giảm từ 3% trở lên	
	Tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ	%	Giảm từ 5% trở lên	
13	<b>Dân số:</b>			
	Dân số trung bình	Người	676,510	
	Phân đầu đạt mức sinh (số con/01 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ)	Số con/phụ nữ	2,50	
14	<b>Y tế:</b>			
	Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	19,8	
	Số bác sỹ/vạn dân	Bác sỹ	8,3	
	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	92	
	Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi	%	29,9	

	Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng cho trẻ em	%	>95	
15	<b>Giáo dục:</b>			
	Số trường đạt chuẩn quốc gia hàng năm	Trường	10	
16	<b>Văn hóa :</b>			
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị	%	53	
	Tỷ lệ gia đình văn hóa	%	85,5	
	Tỷ lệ thôn, bon, buôn văn hóa	%	85,5	
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị văn hóa	%	93	
17	<b>Môi trường:</b>			
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	38,50	
	Trồng mới rừng tập trung hàng năm	ha	1.659,5	
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn thông thường	%	75	
	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế, độc hại	%	82	
18	<b>Nông thôn mới:</b>			
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	Tăng thêm 3 xã	
	Số tiêu chí bình quân mỗi xã đạt trở lên	Tiêu chí	16,5	
	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Xã	2	